

Số: 3802/QĐ-BCT

Hà Nội, ngày 31 tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương

BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG THƯƠNG

Căn cứ Nghị định số 40/2025/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Quyết định số 1085/QĐ-TTg ngày 15 tháng 9 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước giai đoạn 2022 – 2025;

Căn cứ Quyết định số 1128/QĐ-BCT ngày 23 tháng 4 năm 2025 của Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương;

Căn cứ Quyết định số 1871/QĐ-BCT ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Bộ Công Thương phê duyệt phương án cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương;

Xét đề nghị của Chánh Văn phòng Bộ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương.

Điều 2. Quyết định có hiệu lực từ ngày ký ban hành và thay thế Quyết định số 1128/QĐ-BCT ngày 23 tháng 4 năm 2025 của Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ và Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Ưư

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lãnh đạo Bộ;
- Văn phòng Chính phủ (Cục KSTTHC);
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Lưu: VT, VP (THCC).



**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Phan Thị Thắng

Phan Thị Thắng

Phụ lục I
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ TRONG HỆ THỐNG HÀNH CHÍNH
NHÀ NƯỚC THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ CÔNG THƯƠNG
(Kèm theo Quyết định số 3802/QĐ-BCT ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

STT	Tên thủ tục hành chính	Cơ quan thực hiện	Văn bản quy định TTHC nội bộ	Đơn vị phụ trách
I	Lĩnh vực Thương mại biên giới			
1	Thủ tục xin ý kiến các Bộ, ngành có liên quan về việc thiết lập khu (điểm) chợ biên giới	Bộ Công Thương; các Bộ, ngành có liên quan	Khoản 4 Điều 4 Thông tư số 17/2017/TT-BCT Hướng dẫn thực hiện quy định về khu (điểm) chợ biên giới tại Hiệp định thương mại biên giới giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa	
II	Lĩnh vực Công nghiệp địa phương			
2	Thủ tục xây dựng kế hoạch khuyến công quốc gia	Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công (Bộ Công Thương); Sở Công Thương, đơn vị, Trung tâm Khuyến công quốc gia ở các vùng	Thông tư số 36/2013/TT-BCT quy định về việc xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện và quản lý kinh phí khuyến công quốc gia; Thông tư 17/2018/TT-BCT sửa đổi Thông tư số 36/2013/TT-BCT quy định về việc xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện và quản lý kinh phí khuyến công quốc gia	Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công
3	Thủ tục Điều chỉnh, bổ sung và ngừng triển khai đề án khuyến công	Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công (Bộ Công Thương); Sở Công Thương, đơn vị, Trung tâm Khuyến công quốc gia ở các vùng	Thông tư số 36/2013/TT-BCT quy định về việc xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện và quản lý kinh phí khuyến công quốc gia; Thông tư 17/2018/TT-BCT sửa đổi Thông tư số 36/2013/TT-BCT quy định về việc xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện và quản lý kinh phí khuyến công quốc gia	

4	Thủ tục xây dựng Chương trình khuyến công quốc gia từng giai đoạn	Bộ Công Thương; các Bộ, ngành liên quan và các địa phương	Thông tư số 36/2013/TT-BCT quy định về việc xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện và quản lý kinh phí khuyến công quốc gia; Thông tư 17/2018/TT-BCT sửa đổi Thông tư số 36/2013/TT-BCT quy định về việc xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện và quản lý kinh phí khuyến công quốc gia	
5	Tổ chức thực hiện đề án khuyến công quốc gia	Sở Công Thương, Đơn vị sự nghiệp thuộc Sở Công Thương thực hiện nhiệm vụ về khuyến công	Thông tư số 36/2013/TT-BCT quy định về việc xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện và quản lý kinh phí khuyến công quốc gia; Thông tư 17/2018/TT-BCT sửa đổi Thông tư số 36/2013/TT-BCT quy định về việc xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện và quản lý kinh phí khuyến công quốc gia	
III Lĩnh vực Điện lực				
6	Thủ tục xây dựng chương trình mục tiêu quốc gia về năng lượng	Bộ Công Thương; các Bộ, ngành liên quan	Luật Điện lực	Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công
7	Thủ tục chuẩn bị hồ sơ dự thảo các tiêu chuẩn quốc gia về an toàn điện	Bộ Công Thương; các Bộ, cơ quan liên quan	Nghị định số 14/2014/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật điện lực về an toàn điện	Cục ATMT
8	Thủ tục lấy ý kiến các Bộ, cơ quan liên quan về khung giá phát điện nhà máy điện mặt trời, điện gió chuyển tiếp	Bộ Công Thương; các Bộ, cơ quan liên quan	Thông tư số 15/2022/TT-BCT Quy định phương pháp xây dựng khung giá phát điện áp dụng cho nhà máy điện mặt trời, điện gió chuyển tiếp	Cục Điện lực
9	Thủ tục điều chỉnh khung giá của mức giá bán lẻ điện bình quân	Bộ Công Thương; Bộ Tài chính	Quyết định số 02/2023/QĐ-TTg Quy định về khung giá của mức giá bán lẻ điện bình quân	

10	Thủ tục tổ chức kiểm tra chi phí sản xuất kinh doanh điện của năm trước liền kề	Bộ Công Thương; Bộ Tài chính, Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, các hiệp hội liên quan, các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan	Quyết định số 24/2017/QĐ-TTg Quy định về cơ chế điều chỉnh mức giá bán lẻ điện bình quân	
11	Thủ tục về điều chỉnh tăng giá bán lẻ điện bình quân từ 10% trở lên so với giá điện bình quân hiện hành hoặc ảnh hưởng đến tình hình kinh tế vĩ mô	Bộ Tài chính	Quyết định số 24/2017/QĐ-TTg ngày 30 tháng 6 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ quy định về cơ chế điều chỉnh mức giá bán lẻ điện bình quân.	
IV	Lĩnh vực Xúc tiến thương mại			
12	Thủ tục xây dựng đề án thực hiện Chương trình cấp quốc gia về xúc tiến thương mại	Bộ Công Thương; Tổ chức xúc tiến thương mại thuộc các bộ, cơ quan ngang bộ; Tổ chức xúc tiến thương mại khác: Hiệp hội ngành hàng, hiệp hội doanh nghiệp có phạm vi hoạt động cả nước; Liên minh Hợp tác xã Việt Nam; Hội nông dân Việt Nam; tổ chức xúc tiến	Nghị định số 28/2018/NĐ-CP Quy định chi tiết Luật Quản lý ngoại thương về một số biện pháp phát triển ngoại thương	Cục XTTM

		thương mại của chính quyền địa phương; tổ chức xúc tiến thương mại do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập		
13	Thủ tục bổ sung đề án thực hiện Chương trình cấp quốc gia về xúc tiến thương mại	Bộ Công Thương; Tổ chức xúc tiến thương mại thuộc các bộ, cơ quan ngang bộ; Tổ chức xúc tiến thương mại khác: Hiệp hội ngành hàng, hiệp hội doanh nghiệp có phạm vi hoạt động cả nước; Liên minh Hợp tác xã Việt Nam; Hội nông dân Việt Nam; tổ chức xúc tiến thương mại của chính quyền địa phương; tổ chức xúc tiến thương mại do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập	Nghị định số 28/2018/NĐ-CP Quy định chi tiết Luật Quản lý ngoại thương về một số biện pháp phát triển ngoại thương	
14	Thủ tục điều chỉnh, thay đổi nội dung thực hiện đề án thuộc Chương trình cấp quốc gia về xúc tiến thương mại	Bộ Công Thương; Tổ chức xúc tiến thương mại	Nghị định số 28/2018/NĐ-CP Quy định chi tiết Luật Quản lý ngoại thương về một số biện pháp phát triển ngoại thương	

		thuộc các bộ, cơ quan ngang bộ; Tổ chức xúc tiến thương mại khác: Hiệp hội ngành hàng, hiệp hội doanh nghiệp có phạm vi hoạt động cả nước; Liên minh Hợp tác xã Việt Nam; Hội nông dân Việt Nam; tổ chức xúc tiến thương mại của chính quyền địa phương; tổ chức xúc tiến thương mại do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập		
15	Cho phép tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam của Liên đoàn Thương mại và Công Nghiệp Việt Nam (VCCI)	Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI)	Quyết định số 06/2020/QĐ-TTg ngày 21 tháng 02 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về tổ chức và quản lý hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam; Quyết định số 350/QĐ-BNV ngày 25 tháng 5 năm 2020 của Bộ Nội vụ ban hành danh sách cơ quan quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực hoạt động của hội, quỹ xã hội, quỹ từ thiện;	
16	Xây dựng và phê duyệt Đề án thuộc Chương trình Thương hiệu Quốc gia Việt Nam	Các Bộ, ngành	Quyết định 30/2019/QĐ-TTg ngày 08/10/2019 Ban hành Quy chế xây dựng, thực hiện, quản lý Chương trình Thương hiệu quốc gia Việt Nam	

17	Bổ sung đề án thuộc Chương trình Thương hiệu Quốc gia Việt Nam	Các Bộ, ngành	Quyết định 30/2019/QĐ-TTg ngày 08/10/2019 Ban hành Quy chế xây dựng, thực hiện, quản lý Chương trình Thương hiệu quốc gia Việt Nam	
18	Điều chỉnh Đề án thuộc Chương trình Thương hiệu Quốc gia Việt Nam	Các Bộ, ngành có Đề án đã được phê duyệt	Quyết định 30/2019/QĐ-TTg ngày 08/10/2019 Ban hành Quy chế xây dựng, thực hiện, quản lý Chương trình Thương hiệu quốc gia Việt Nam	
V	Lĩnh vực Xuất nhập khẩu			
19	Lấy ý kiến Bộ chuyên ngành đề cấp mã số hàng tân trang	Các Bộ, ngành	Nghị định 77/2023/NĐ-CP ngày 02/11/2023 về quản lý nhập khẩu hàng hóa tân trang theo Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương.	Cục Xuất nhập khẩu
20	Lấy ý kiến Bộ chuyên ngành đối với việc sửa đổi, bổ sung thông tin của doanh nghiệp đã được cấp mã số tân trang	Các Bộ, ngành	Nghị định 77/2023/NĐ-CP ngày 02/11/2023 về quản lý nhập khẩu hàng hóa tân trang theo Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương.	
21	Lấy ý kiến Bộ Quốc phòng, Bộ Công an trước khi báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định đối với hàng hóa quá cảnh là vũ khí, vật liệu nổ, tiền chất thuốc nổ, công cụ hỗ trợ	Bộ Công phòng, Bộ Công an	Nghị định 69/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương.	
22	Lấy ý kiến bộ ngành liên quan đối với hồ sơ xin cấp phép gia công hàng hóa cho thương nhân nước ngoài	Các Bộ, ngành	Nghị định 69/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương.	
23	Lấy ý kiến Bộ Quốc phòng hoặc Bộ Công an đối với hồ sơ xin cấp giấy phép sản xuất, gia công xuất khẩu quân phục cho các lực lượng vũ trang nước ngoài	Bộ Công phòng, Bộ Công an	Nghị định 69/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương.	
24	Lấy ý kiến Bộ Quốc phòng hoặc Bộ Công an đối với hồ sơ	Bộ Công phòng, Bộ Công an	Nghị định 69/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 quy định chi tiết	

	xin nhập khẩu mẫu quân phục để sản xuất, gia công		một số điều của Luật Quản lý ngoại thương.	
25	Xin ý kiến cấp Giấy phép quá cảnh hàng hóa là vũ khí, vật liệu nổ, tiền chất thuốc nổ, công cụ hỗ trợ	Bộ Công phòng, Bộ Công an	Nghị định 69/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương.	
26	Xin ý kiến Cấp Giấy phép quá cảnh đối với hàng hóa quá cảnh là vật liệu nổ công nghiệp của nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa qua lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam	Thủ tướng Chính phủ	- Hiệp định giữa Chính phủ nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa về quá cảnh hàng hóa (năm 1994) - Thông tư số 11/2015/TT-BCT ngày 04 tháng 06 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quá cảnh hàng hóa của nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa qua lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.	
27	Xin ý kiến cấp Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa đã có quyết định tạm ngừng xuất khẩu, tạm ngừng nhập khẩu nhằm phục vụ mục đích đặc dụng, bảo hành, phân tích, kiểm nghiệm, nghiên cứu khoa học, y tế, sản xuất dược phẩm, bảo vệ quốc phòng, an ninh	Bộ, cơ quan ngang Bộ liên quan	- Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số Điều của Luật Quản lý ngoại thương;	
28	Xin ý kiến cấp Giấy phép gia công hàng hoá đối với hành hoá xuất khẩu, nhập khẩu theo giấy phép	Bộ, cơ quan ngang Bộ liên quan	Nghị định 69/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương.	
VI	Lĩnh vực tư pháp, pháp chế			
29	Cung cấp thông tin xây dựng Thông cáo báo chí đối với văn bản quy phạm pháp luật do Bộ Công Thương soạn thảo	Văn phòng Chủ tịch nước, Bộ Tư pháp. Các đơn vị thuộc Bộ Công Thương	+ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật. + Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật. + Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/05/2016 của Chính phủ quy định chi tiết	Vụ Pháp chế

			một số điều và biện pháp thi hành luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật. + Thông tư 47/2023/TT-BCT ngày 29/12/2023 quy định về việc xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Bộ Công Thương. + Thông tư số <u>07/2021/TT-BTP</u> ngày 01 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định việc ban hành thông cáo báo chí về văn bản quy phạm pháp luật do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành.	
30	Công bố điều kiện đầu tư kinh doanh và điều kiện đầu tư đối với nhà đầu tư nước ngoài	Lãnh đạo Bộ Công Thương, Bộ Kế hoạch và Đầu tư Đơn vị thuộc Bộ Công Thương	+ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật. + Luật Đầu tư + Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/05/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Nghị định 31/2021/NĐ-CP ngày 26/03/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư; Thông tư 47/2023/TT-BCT ngày 29/12/2023 quy định về việc xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Bộ Công Thương.	
VII	Lĩnh vực dầu khí			
31	Thẩm định và phê duyệt danh mục đề án điều tra cơ bản về dầu khí/điều chỉnh danh mục đề án điều tra cơ bản về dầu khí	Bộ Công Thương; Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ	+) Luật dầu khí +) Nghị định số 45/2023/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Dầu khí.	

		Tài chính, Bộ Quốc phòng, Bộ Ngoại giao, Bộ Công an, Bộ Giao thông vận tải, và các bộ, ngành, địa phương có liên quan		
32	Thẩm định và phê duyệt danh mục các lô dầu khí	Bộ Công Thương; Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tư pháp, Bộ Quốc phòng, Bộ Ngoại giao, Bộ Công an, Bộ Giao thông vận tải, Bộ Xây dựng và các bộ, ngành, địa phương có liên quan	+) Luật dầu khí +) Nghị định số 45/2023/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Dầu khí.	Vụ Dầu khí & Than
33	Thẩm định và phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu để ký hợp đồng dầu khí	Bộ Công Thương; Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp, Bộ Quốc phòng, Bộ Ngoại giao, Bộ Công an và các bộ, ngành, địa phương có liên quan	+) Luật dầu khí +) Nghị định số 45/2023/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Dầu khí.	
34	Thẩm định và phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu ký kết hợp đồng dầu khí	Bộ Công Thương; Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài	+) Luật dầu khí +) Nghị định số 45/2023/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2023 của Chính phủ quy định chi	

		chính, Bộ Tư pháp, Bộ Quốc phòng, Bộ Ngoại giao, Bộ Công an, Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp (trong trường hợp Tập đoàn Dầu khí Việt Nam tham gia hợp đồng dầu khí với tư cách nhà thầu) và các bộ, ngành, địa phương có liên quan	tiết một số điều của Luật Dầu khí.	
35	Thẩm định và phê duyệt nội dung hợp đồng dầu khí	Bộ Công Thương; Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp, Bộ Quốc phòng, Bộ Ngoại giao, Bộ Công an, Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp (trong trường hợp Tập đoàn Dầu khí Việt Nam tham gia hợp đồng dầu khí với tư cách nhà thầu) và các bộ, ngành, địa phương có liên quan	+) Luật dầu khí +) Nghị định số 45/2023/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Dầu khí.	
36	Thẩm định và phê duyệt điều chỉnh nội dung hợp đồng dầu	Bộ Công Thương; Bộ Kế hoạch và	+) Luật dầu khí +) Nghị định số 45/2023/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2023	

	khí và cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư điều chỉnh	Đầu tư, Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp, Bộ Quốc phòng, Bộ Ngoại giao, Bộ Công an, Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp (trong trường hợp Tập đoàn Dầu khí Việt Nam tham gia hợp đồng dầu khí với tư cách nhà thầu) và các bộ, ngành, địa phương có liên quan	của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Dầu khí.	
37	Xin ý kiến đề chấp thuận gia hạn thời hạn của giai đoạn tìm kiếm thăm dò dầu khí	Bộ Công Thương; Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp, Bộ Quốc phòng, Bộ Ngoại giao, Bộ Công an, Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp (trong trường hợp Tập đoàn Dầu khí Việt Nam tham gia hợp đồng dầu khí với tư cách nhà thầu) và các bộ, ngành, địa phương có liên quan	+) Luật dầu khí +) Nghị định số 45/2023/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Dầu khí.	

38	Xin ý kiến về việc chấp thuận gia hạn thời hạn của hợp đồng dầu khí	Bộ Công Thương; Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp, Bộ Quốc phòng, Bộ Ngoại giao, Bộ Công an, Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp (trong trường hợp Tập đoàn Dầu khí Việt Nam tham gia hợp đồng dầu khí với tư cách nhà thầu) và các bộ, ngành, địa phương có liên quan	+) Luật dầu khí +) Nghị định số 45/2023/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Dầu khí.	
39	Thẩm định và chấp thuận gia hạn thời hạn của giai đoạn tìm kiếm thăm dò dầu khí, thời hạn hợp đồng dầu khí trong trường hợp đặc biệt	Bộ Công Thương; Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp, Bộ Quốc phòng, Bộ Ngoại giao, Bộ Công an, Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp (trong trường hợp Tập đoàn Dầu khí Việt Nam tham gia hợp đồng dầu khí với tư cách nhà thầu) và các bộ, ngành,	+) Luật dầu khí +) Nghị định số 45/2023/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Dầu khí.	

		địa phương có liên quan		
40	Xin ý kiến về việc chấp thuận giữ lại diện tích phát hiện khí trong thời hạn không quá 05 năm	Bộ Công Thương; Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp, Bộ Quốc phòng, Bộ Ngoại giao, Bộ Công an, Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp (trong trường hợp Tập đoàn Dầu khí Việt Nam tham gia hợp đồng dầu khí với tư cách nhà thầu) và các bộ, ngành, địa phương có liên quan	+) Luật dầu khí +) Nghị định số 45/2023/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Dầu khí.	
41	Thẩm định và chấp thuận giữ lại diện tích phát hiện khí trong thời hạn không quá 02 năm	Bộ Công Thương; Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp, Bộ Quốc phòng, Bộ Ngoại giao, Bộ Công an, Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp	+) Luật dầu khí +) Nghị định số 45/2023/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Dầu khí.	
42	Xin ý kiến về việc chấp thuận tạm dừng thực hiện một số quyền và nghĩa vụ trong hợp đồng dầu khí do nguyên nhân bất khả kháng	Bộ Công Thương; Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp, Bộ	+) Luật dầu khí +) Nghị định số 45/2023/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Dầu khí.	

		Quốc phòng, Bộ Ngoại giao, Bộ Công an, Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp (trong trường hợp Tập đoàn Dầu khí Việt Nam tham gia hợp đồng dầu khí với tư cách nhà thầu) và các bộ, ngành, địa phương có liên quan		
43	Thẩm định và chấp thuận tạm dừng thực hiện một số quyền và nghĩa vụ trong hợp đồng dầu khí vì lý do quốc phòng, an ninh	Bộ Công Thương; Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp, Bộ Quốc phòng, Bộ Ngoại giao, Bộ Công an, Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp (trong trường hợp Tập đoàn Dầu khí Việt Nam tham gia hợp đồng dầu khí với tư cách nhà thầu) và các bộ, ngành, địa phương có liên quan	+) Luật dầu khí +) Nghị định số 45/2023/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Dầu khí.	
44	Xin ý kiến về việc chấp thuận giữ lại hoặc tạm hoãn nghĩa vụ hoàn trả diện tích hợp đồng dầu khí	Bộ Công Thương; Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Bộ Tư	+) Luật dầu khí +) Nghị định số 45/2023/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2023 của Chính phủ quy định chi	

		pháp, Bộ Quốc phòng, Bộ Ngoại giao, Bộ Công an, Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp(trong trường hợp Tập đoàn Dầu khí Việt Nam tham gia hợp đồng dầu khí với tư cách nhà thầu) và các bộ, ngành, địa phương có liên quan	tiết một số điều của Luật Dầu khí.	
45	Thẩm định và phê duyệt mở rộng diện tích hợp đồng dầu khí, hợp nhất phát hiện dầu khí, mỏ dầu khí	Bộ Công Thương; Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp, Bộ Quốc phòng, Bộ Ngoại giao, Bộ Công an, Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp (trong trường hợp Tập đoàn Dầu khí Việt Nam tham gia hợp đồng dầu khí với tư cách nhà thầu) và các bộ, ngành, địa phương có liên quan	+) Luật dầu khí +) Nghị định số 45/2023/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Dầu khí.	
46	Thẩm định và phê duyệt chuyển nhượng quyền và nghĩa vụ trong hợp đồng dầu	Bộ Công Thương; Bộ Kế hoạch và	+) Luật dầu khí	

	khí và cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư điều chỉnh	Đầu tư, Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp, Bộ Quốc phòng, Bộ Ngoại giao, Bộ Công an, Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp (trong trường hợp Tập đoàn Dầu khí Việt Nam tham gia hợp đồng dầu khí với tư cách nhà thầu) và các bộ, ngành, địa phương có liên quan	+) Nghị định số 45/2023/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Dầu khí.	
47	Thẩm định và phê duyệt thực hiện quyền tham gia, quyền ưu tiên mua trước quyền lợi tham gia, tiếp nhận quyền lợi tham gia trong hợp đồng dầu khí của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	Bộ Công Thương; Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp, Bộ Quốc phòng, Bộ Ngoại giao, Bộ Công an, Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp và các bộ, ngành, địa phương có liên quan	+) Luật dầu khí +) Nghị định số 45/2023/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Dầu khí.	
48	Thẩm định và phê duyệt kế hoạch xử lý tiếp theo đối với mỏ, cụm mỏ, lô dầu khí khi hợp đồng dầu khí hết thời hạn	Bộ Công Thương; Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp, Bộ Quốc phòng, Bộ Ngoại	+) Luật dầu khí +) Nghị định số 45/2023/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Dầu khí.	

		giao, Bộ Công an, Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp và các bộ, ngành, địa phương có liên quan		
49	Thẩm định và chấp thuận dự án phát triển mỏ dầu khí có chuỗi đồng bộ các hạng mục công trình, thiết bị dầu khí trên đất liền và trên biển	Bộ Công Thương; Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp, Bộ Xây dựng, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Quốc phòng, Bộ Ngoại giao, Bộ Công an, Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp (trong trường hợp Tập đoàn Dầu khí Việt Nam tham gia hợp đồng dầu khí với tư cách nhà thầu) và các bộ, ngành, địa phương có liên quan	+) Luật dầu khí +) Nghị định số 45/2023/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Dầu khí.	
50	Xin ý kiến về việc chấp thuận để lại, hoãn thu dọn hoặc thực hiện thu dọn một phần hoặc toàn bộ công trình dầu khí	Bộ Công Thương; Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Giao thông vận tải, Bộ Kế	+) Luật dầu khí +) Nghị định số 45/2023/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Dầu khí.	

		hoạch và Đầu tư, Bộ Quốc phòng và các bộ, ngành có liên quan		
51	Thẩm định và phê duyệt danh mục các lô, mỏ dầu khí được hưởng chính sách ưu đãi đầu tư và ưu đãi đầu tư đặc biệt	Bộ Công Thương; Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an	+) Luật dầu khí +) Nghị định số 45/2023/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Dầu khí.	
52	Thẩm định và phê duyệt cơ chế điều hành khai thác tận thu mỏ, cụm mỏ, lô dầu khí	Bộ Công Thương; Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an và các bộ, ngành, địa phương có liên quan	+) Luật dầu khí +) Nghị định số 45/2023/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Dầu khí.	
VIII	Lĩnh vực an toàn đập và Môi trường			
53	Lấy ý kiến về dự thảo Quy trình vận hành hồ chứa thủy điện thuộc trách nhiệm phê duyệt của Bộ Công Thương.	Các Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có liên quan.	Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ quy định về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước	Cục ATMT
54	Chuẩn bị hồ sơ dự thảo các tiêu chuẩn quốc gia về an toàn điện	Bộ Công Thương; Bộ Khoa học và Công nghệ; các Bộ, cơ quan liên quan.	Nghị định số 14/2014/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật điện lực về an toàn điện.	

55	Cấp tài khoản, phân quyền tài khoản sử dụng CSDL môi trường ngành Công Thương	Sở Công Thương các tỉnh, thành phố	Thông tư số 42/2020/TT-BCT	
IX	Lĩnh vực Quản lý cạnh tranh			
56	Tham vấn trong quá trình thẩm định tập trung kinh tế	Cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực liên quan	Điều 39 Luật Cạnh tranh số 23/2018/QH14	Ủy ban cạnh tranh quốc gia
57	Tham vấn trong quá trình xem xét hồ sơ đề nghị hưởng miễn trừ đối với thỏa thuận hạn chế cạnh tranh bị cấm	Các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan về nội dung của thỏa thuận hạn chế cạnh tranh bị cấm đang được đề nghị hưởng miễn trừ	Điều 18 Luật Cạnh tranh số 23/2018/QH14	
X	Lĩnh vực Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng			
58	Tham vấn ý kiến của cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực, địa phương về hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung	Cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực, địa phương liên quan	Khoản 2 Điều 16 Nghị định số 55/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng	
59	Cung cấp danh sách tổ chức, cá nhân kinh doanh áp dụng hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung trong giao dịch với người tiêu dùng	Cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực, địa phương liên quan	Khoản 3 Điều 16 Nghị định số 55/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng	
XI	Lĩnh vực quản lý thị trường			
60	Xin ý kiến xử lý tài sản là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu	Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước, Cục Nghiệp vụ Quản lý thị trường, Cục Quản lý thị trường các tỉnh, thành	Nghị định số 77/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ quy định thẩm quyền, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và xử lý đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân.	Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước

		phổ trực thuộc Trung ương, các Đội Quản lý thị trường thuộc Cục Quản lý thị trường các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.		
XII	Lĩnh vực Thông tin truyền thông			
61	Xác định lần đầu cấp độ đối với hệ thống thông tin cấp độ 4; xác định lại cấp độ đối với hệ thống thông tin đã được phê duyệt cấp độ 4.	Bộ Công Thương, Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an và các bộ, ngành liên quan thực hiện thẩm định hồ sơ đề xuất cấp độ;	Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ; Thông tư số 12/2022/TT-BTTTT ngày 12/8/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ; Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 11930:2017 về công nghệ thông tin - các kỹ thuật an toàn - yêu cầu cơ bản về an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ.	Cục TMĐT&KTS
XIII	Lĩnh vực Lao động, Thương binh và xã hội			
62	Đề nghị cho hưởng chế độ dưỡng sức phục hồi sức khỏe sau ốm đau đối với cán bộ, công chức, viên chức.	Bảo hiểm xã hội Việt Nam	Luật Bảo hiểm Xã hội; Nghị định số 115/2015/NĐ-CP ngày 11/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội.	Vụ TCCB
63	Đề nghị cho hưởng chế độ thai sản đối với nữ cán bộ, công chức, viên chức sinh con nghỉ 6 tháng.	Bảo hiểm xã hội Việt Nam	Luật Bảo hiểm Xã hội; Nghị định số 115/2015/NĐ-CP ngày 11/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội.	
64	Đề nghị cho hưởng chế độ thai sản đối với nữ cán bộ, công chức, viên chức đi khám thai,	Bảo hiểm xã hội Việt Nam	Luật Bảo hiểm Xã hội; Nghị định số 115/2015/NĐ-CP ngày 11/11/2015 của Chính phủ quy	

	sảy thai, nạo, hút thai hoặc thai lưu chết; cán bộ, công chức, viên chức (cả nam và nữ) thực hiện các biện pháp tránh thai.		định chi tiết một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội.	
65	Đề nghị cho hưởng chế độ thai sản đối với cán bộ, công chức, viên chức nhận nuôi con nuôi dưới 6 tháng tuổi.	Bảo hiểm xã hội Việt Nam	Luật Bảo hiểm Xã hội; Nghị định số 115/2015/NĐ-CP ngày 11/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội.	
66	Đề nghị cấp sổ BHXH lần đầu đối với cán bộ, công chức, viên chức.	Bảo hiểm xã hội Việt Nam	Luật Bảo hiểm Xã hội; Nghị định số 115/2015/NĐ-CP ngày 11/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội.	
67	Đề nghị cấp lại sổ BHXH đối với cán bộ, công chức, viên chức.	Bảo hiểm xã hội Việt Nam	Luật Bảo hiểm Xã hội; Nghị định số 115/2015/NĐ-CP ngày 11/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội.	
68	Đề nghị cho hưởng trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần đối với cán bộ, công chức, viên chức đang đóng hiểm xã hội nghỉ công tác.	Bảo hiểm xã hội Việt Nam	Luật Bảo hiểm Xã hội; Nghị định số 115/2015/NĐ-CP ngày 11/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội.	
69	Đề nghị cho hưởng trợ cấp dưỡng sức, phục hồi sức khỏe đối với cán bộ, công chức, viên chức sau ốm đau.	Bảo hiểm xã hội Việt Nam	Luật Bảo hiểm Xã hội; Nghị định số 115/2015/NĐ-CP ngày 11/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội.	
XIV	Lĩnh vực Tài chính			
70	Quyết định điều chuyển tài sản công.	Bộ Công Thương và một số Bộ, ngành liên quan	Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.	
71	Phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.	Bộ Công Thương và một số Bộ, ngành liên quan	Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ quy định việc sắp xếp lại, xử lý tài	

			sản công; Nghị định số 67/2021/NĐ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 167/2017/NĐ-CP.	
XV	Lĩnh vực Kế hoạch đầu tư			
72	Quyết định, phê duyệt văn kiện dự án hỗ trợ kỹ thuật, phi dự án (bao gồm dự án hỗ trợ kỹ thuật sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi để chuẩn bị dự án đầu tư) đối với dự án hỗ trợ kỹ thuật chuẩn bị dự án đầu tư do bộ, cơ quan ngang bộ quản lý.	Bộ Công Thương và một số Bộ, ngành liên quan	Luật Đầu tư công; Nghị định số 114/2021/NĐ-CP ngày 16/12/2021 của Chính phủ về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài; Nghị định số 20/2023/NĐ-CP ngày 04/5/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 114/2021/NĐ-CP ngày 16/12/2021.	Vụ Kế hoạch, Tài chính và Quản lý doanh nghiệp
73	Quyết định chủ trương đầu tư các dự án đầu tư nhóm B, nhóm C sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài.	Bộ Công Thương và một số Bộ, ngành liên quan	Luật Đầu tư công; Nghị định số 114/2021/NĐ-CP ngày 16/12/2021 của Chính phủ về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài; Nghị định số 20/2023/NĐ-CP ngày 04/5/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 114/2021/NĐ-CP ngày 16/12/2021.	
74	Lập, thẩm định, quyết định phê duyệt/điều chỉnh, sửa đổi văn kiện khoản viện trợ là chương trình, dự án hỗ trợ kỹ thuật sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài thuộc thẩm quyền quyết định của bộ, cơ quan ngang bộ.	Bộ Công Thương và một số Bộ, ngành liên quan	Nghị định số 80/2020/NĐ-CP ngày 08/7/2020 của Chính phủ về quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam (có hiệu lực kể từ ngày 17/9/2020).	
75	Quyết định thành lập doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ do cơ quan đại diện chủ sở hữu (bộ, cơ	Bộ Công Thương và một số Bộ, ngành liên quan	Luật Doanh nghiệp; Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp; Nghị định số	

	quan ngang bộ) quyết định thành lập.		23/2022/NĐ-CP ngày 05 tháng 4 năm 2022 về thành lập, sắp xếp lại, chuyển đổi sở hữu, chuyển giao quyền đại diện chủ sở hữu tại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.	
76	Quyết định hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ do cơ quan đại diện chủ sở hữu (bộ, cơ quan ngang bộ) quyết định thành lập hoặc được giao quản lý.	Bộ Công Thương và một số Bộ, ngành liên quan	Luật Doanh nghiệp; Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp; Nghị định số 23/2022/NĐ-CP ngày 05 tháng 4 năm 2022 về thành lập, sắp xếp lại, chuyển đổi sở hữu, chuyển giao quyền đại diện chủ sở hữu tại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.	
77	Quyết định chia, tách doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ do cơ quan đại diện chủ sở hữu (bộ, cơ quan ngang bộ) quyết định thành lập hoặc được giao quản lý.	Bộ Công Thương và một số Bộ, ngành liên quan	Luật Doanh nghiệp; Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp; Nghị định số 23/2022/NĐ-CP ngày 05 tháng 4 năm 2022 về thành lập, sắp xếp lại, chuyển đổi sở hữu, chuyển giao quyền đại diện chủ sở hữu tại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.	
78	Quyết định tạm ngừng, đình chỉ hoạt động, chấm dứt kinh doanh tại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ (do bộ, cơ quan ngang bộ quyết định thành lập hoặc giao quản lý).	Bộ Công Thương và một số Bộ, ngành liên quan	Luật Doanh nghiệp; Nghị định số 23/2022/NĐ-CP ngày 05 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ về thành lập, sắp xếp lại, chuyển đổi sở hữu, chuyển giao quyền đại diện chủ sở hữu tại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ; Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp; Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT.	
79	Quyết định giải thể doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ (do bộ, cơ	Bộ Công Thương và một	Luật Doanh nghiệp; Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại	

	quan ngang bộ quyết định thành lập hoặc giao quản lý).	số Bộ, ngành liên quan	doanh nghiệp; Nghị định số 23/2022/NĐ-CP ngày 05 tháng 4 năm 2022 về thành lập, sắp xếp lại, chuyển đổi sở hữu, chuyển giao quyền đại diện chủ sở hữu tại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.	
--	--	------------------------	--	--

Phụ lục II
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ
THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA BỘ CÔNG THƯƠNG
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-BCT ngày tháng năm 2025 của Bộ Công Thương)

STT	Tên TTHC nội bộ	Cơ quan/người có thẩm quyền giải quyết	Văn bản quy định TTHC nội bộ	Đơn vị phụ trách
I	Lĩnh vực Bảo vệ bí mật nhà nước			
1	Cho phép in, sao, chụp tài liệu, vật mang bí mật nhà nước.	Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang bộ	Luật Bảo vệ bí mật nhà nước; Nghị định 26/2020/NĐ-CP ngày 28/02/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ bí mật nhà nước.	Văn phòng Bộ
2	Giao, nhận tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước.	Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang bộ	Luật Bảo vệ bí mật nhà nước; Nghị định 26/2020/NĐ-CP ngày 28/02/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ bí mật nhà nước.	
3	Mang tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước ra khỏi nơi lưu giữ.	Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang bộ	Luật Bảo vệ bí mật nhà nước; Nghị định 26/2020/NĐ-CP ngày 28/02/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ bí mật nhà nước.	
4	Cung cấp, chuyển giao bí mật nhà nước cho cơ quan, tổ chức, người Việt Nam được giao thực hiện nhiệm vụ liên quan trực tiếp đến bí mật nhà nước.	Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang bộ	Luật Bảo vệ bí mật nhà nước; Nghị định 26/2020/NĐ-CP ngày 28/02/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ bí mật nhà nước.	
5	Cung cấp, chuyển giao bí mật nhà nước cho cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài.	Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang bộ	Luật Bảo vệ bí mật nhà nước; Nghị định 26/2020/NĐ-CP ngày 28/02/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ bí mật nhà nước.	
6	Cho phép tổ chức hội nghị, hội thảo, cuộc họp có nội dung bí mật nhà nước của cơ quan, tổ chức Việt Nam.	Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang bộ	Điểm a khoản 1 Điều 17 Luật Bảo vệ bí mật nhà nước; Nghị định 26/2020/NĐ-CP ngày 28/02/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ bí mật nhà nước.	
7	Hội nghị, hội thảo, cuộc họp có yếu tố nước ngoài tổ chức tại Việt Nam có nội dung bí mật nhà nước.	Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang bộ	Điểm b khoản 1 Điều 18 Luật Bảo vệ bí mật nhà nước; Nghị định 26/2020/NĐ-CP ngày 28/02/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ bí mật nhà nước.	

8	Thông báo gia hạn thời hạn bảo vệ bí mật nhà nước.	Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang bộ	Điều 20 Luật Bảo vệ bí mật nhà nước.	
9	Thông báo điều chỉnh độ mật của bí mật nhà nước.	Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang bộ	Điều 21 Luật Bảo vệ bí mật nhà nước.	
10	Giải mật và thông báo giải mật (trường hợp hết thời hạn bảo vệ bí mật nhà nước quy định tại Điều 19 và hết thời gian gia hạn quy định tại Điều 20 của Luật Bảo vệ bí mật nhà nước; trường hợp hông còn thuộc danh mục bí mật nhà nước.).	Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang bộ	Điều 22 Luật Bảo vệ bí mật nhà nước.	
11	Giải mật và thông báo giải mật (Trường hợp đáp ứng yêu cầu thực tiễn bảo vệ lợi ích quốc gia, dân tộc; phát triển kinh tế - xã hội; hội nhập, hợp tác quốc tế).	Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang bộ	Điều 22 Luật Bảo vệ bí mật nhà nước.	
12	Tiêu hủy tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước trong trường hợp không cần thiết phải lưu giữ và việc tiêu hủy không gây nguy hại đến lợi ích quốc gia, dân tộc.	Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang bộ	Điều 23 Luật Bảo vệ bí mật nhà nước.	
13	Tiêu hủy tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước trong trường hợp nếu không tiêu hủy ngay sẽ gây nguy hại cho lợi ích quốc gia, dân tộc.	Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang bộ	Điều 23 Luật Bảo vệ bí mật nhà nước.	
II	Lĩnh vực Công tác văn phòng			
14	Ban hành Quyết định công bố danh mục thủ tục hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; Ban hành Quyết định công bố thủ tục hành chính được giao quy định hoặc quy định chi tiết trong văn bản quy phạm pháp luật của các	Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang bộ	Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều, khoản của Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Thông tư 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm	Văn phòng Bộ

	cấp chính quyền trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.		2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính.	
15	Rà soát, đánh giá chất lượng dữ liệu thủ tục hành chính trên Cơ sở dữ liệu quốc gia.	Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang bộ	Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều, khoản của Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Thông tư 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính.	
16	Rà soát, phê duyệt phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính theo kế hoạch hàng năm.	Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang bộ	Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều, khoản của Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Thông tư 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính.	
17	Rà soát, đánh giá, tái cấu trúc quy trình thủ tục hành chính để cung cấp dịch vụ công trực tuyến và tích hợp, kiểm thử, cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp bộ, cấp tỉnh.	Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang bộ	Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều, khoản của Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Thông tư 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính.	
18	Xử lý phản ánh, kiến nghị về thủ tục hành chính tại Bộ Công Thương		Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều, khoản của Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Thông tư 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính.	
19	Cập nhật thông tin về tình hình thực hiện	Theo phân cấp, ủy quyền của Bộ	Quyết định số 42/2014/QĐ-TTg ngày 27 tháng 7 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ	

	nhiệm vụ các địa phương được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao.	trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang bộ	ban hành Quy chế theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao; Quyết định số 23/2018/QĐ-TTg ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao theo Quyết định số 42/2014/QĐ-TTg ngày 27 tháng 7 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ.	
20	Tiếp nhận, đăng ký và chuyển giao văn bản đến.	Theo phân cấp của Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang bộ	Nghị định số 30/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2020 của Chính phủ về công tác văn thư.	
21	Phát hành văn bản đi.	Theo phân cấp của Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang bộ	Nghị định số 30/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2020 của Chính phủ về công tác văn thư.	
22	Thu hồi văn bản đã phát hành.	Theo phân cấp của Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang bộ	Nghị định số 30/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2020 của Chính phủ về công tác văn thư.	
23	Đính chính văn bản đã phát hành.	Theo phân cấp của Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang bộ	Nghị định số 30/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2020 của Chính phủ về công tác văn thư.	
24	Sao y, sao lục, trích sao văn bản.	Theo phân cấp của Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang bộ	Nghị định số 30/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2020 của Chính phủ về công tác văn thư.	
25	Phê duyệt Danh mục hồ sơ nộp lưu vào Lưu trữ cơ quan.	Theo phân cấp của Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang bộ	Nghị định số 30/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2020 của Chính phủ về công tác văn thư.	
26	Nộp lưu hồ sơ, tài liệu vào lưu trữ cơ quan.	Theo phân cấp của Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang bộ	Nghị định số 30/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2020 của Chính phủ về công tác văn thư.	
27	Thu thập tài liệu lưu trữ điện tử vào Lưu trữ cơ quan.	Theo phân cấp của Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang bộ	Luật Lưu trữ; Nghị định số 01/2013/NĐ-CP ngày 03/01/2013 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lưu trữ.	
28	Cho phép đọc, sao, chứng thực lưu trữ đối	Theo phân cấp của Bộ trưởng,	Luật Lưu trữ; Nghị định số 01/2013/NĐ-CP ngày 03/01/2013 của Chính phủ Quy định	

	với tài liệu lưu trữ điện tử.	thủ trưởng cơ quan ngang bộ	chi tiết thi hành một số điều của Luật Lưu trữ.	
29	Hủy tài liệu lưu trữ điện tử hết giá trị.	Theo phân cấp của Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang bộ	Luật Lưu trữ; Nghị định số 01/2013/NĐ-CP ngày 03/01/2013 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lưu trữ.	
30	Thanh toán tiền công tác phí cho cán bộ, công chức, viên chức.	Theo phân cấp của Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang bộ	Thông tư số 40 /2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị.	
31	Thanh toán chi hội nghị.	Theo phân cấp của Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang bộ	Thông tư số 40 /2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị.	
32	Cấp Giấy đi đường cho cán bộ, công chức, viên chức đi công tác.	Theo phân cấp của Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang bộ	Thông tư số 40 /2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị.	
33	Đăng ký xe đi công tác.	Theo phân cấp của Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang bộ	Thông tư số 40 /2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị.	
34	Trang bị máy móc, thiết bị làm việc cho cán bộ, công chức, viên chức.	Theo phân cấp của Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang bộ	Quyết định số 50/2017/QĐ-TTg quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị.	
III Lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo				
35	Phê duyệt tiêu chuẩn, định mức sử dụng trang thiết bị chuyên dùng trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo trong các đơn vị, tổ chức thuộc phạm vi quản lý.	Theo phân cấp, ủy quyền của Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang bộ	Điểm b Khoản 2 Điều 8 Quyết định số 50/2017/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ Quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị; Thông tư số 16/2019/TT-BGDĐT ngày 04/10/2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Hướng dẫn tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo.	Vụ Tổ chức cán bộ
36	Xét thăng hạng trợ giảng lên giảng viên (đối với các cơ sở giáo dục đại học, cơ sở đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức của bộ, cơ quan ngang bộ).	Theo phân cấp, ủy quyền của Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang bộ	<u>Luật Viên chức; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức</u> ; Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Thông tư số 03/2023/TT-BNV ngày 30/4/2023 của Bộ Nội vụ hướng dẫn một số quy định của <u>Nghị định số 101/2017/NĐ-CP</u> ngày 01/9/2017 của	

			Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức và <u>Nghị định số 89/2021/NĐ-CP</u> ngày 18/10/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của <u>Nghị định số 101/2017/NĐ-CP</u> của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức; Thông tư số 40/2020/TT-BGDĐT ngày 26/10/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp, bổ nhiệm và xếp lương đối với viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục đại học công lập.	
37	Xét thăng hạng giảng viên lên giảng viên chính (đối với các cơ sở giáo dục đại học, cơ sở đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức của bộ, cơ quan ngang bộ).	Theo phân cấp, ủy quyền của Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang bộ	<u>Luật Viên chức</u> ; <u>Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức</u> ; <u>Nghị định số 85/2023/NĐ-CP</u> ngày 07/12/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của <u>Nghị định số 115/2020/NĐ-CP</u> ngày 25/9/2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Thông tư số 03/2023/TT-BNV ngày 30/4/2023 của Bộ Nội vụ hướng dẫn một số quy định của <u>Nghị định số 101/2017/NĐ-CP</u> ngày 01/9/2017 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức và <u>Nghị định số 89/2021/NĐ-CP</u> ngày 18/10/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của <u>Nghị định số 101/2017/NĐ-CP</u> của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức; Thông tư số 40/2020/TT-BGDĐT ngày 26/10/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp, bổ nhiệm và xếp lương đối với viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục đại học công lập.	
IV Lĩnh vực Kế hoạch và Đầu tư.				
38	Quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm A thuộc thẩm quyền của bộ, cơ quan ngang bộ.	Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang bộ	Luật Đầu tư công; Điều 9, 10 <u>Nghị định số 40/2020/NNĐ-CP</u> .	
39	Quyết định chủ trương đầu tư dự án do bộ, cơ quan ngang bộ quản lý.	Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang bộ	Luật Đầu tư công; Điều 9, 10 <u>Nghị định số 40/2020/NNĐ-CP</u> .	
40	Phê duyệt Kế hoạch tổng thể thực hiện chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi, vốn đối ứng.	Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang bộ	Luật Đầu tư công; <u>Nghị định số 114/2021/NĐ-CP</u> ngày 16/12/2021 của Chính phủ về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài; <u>Nghị định số 20/2023/NĐ-CP</u> ngày 04/5/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của <u>Nghị</u>	

			định số 114/2021/NĐ-CP ngày 16/12/2021.	
41	Kế hoạch thực hiện chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi, vốn đối ứng hằng năm.	Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang bộ	Luật Đầu tư công; Nghị định số 114/2021/NĐ-CP ngày 16/12/2021 của Chính phủ về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài; Nghị định số 20/2023/NĐ-CP ngày 04/5/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 114/2021/NĐ-CP ngày 16/12/2021.	
42	Thủ tục lập, thẩm định và phê duyệt kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu cho dự án.	Bộ, cơ quan ngang bộ	Điều 14, 15 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP	
43	Thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu.	Bộ, cơ quan ngang bộ	Điều 37, 38, 39, 40, 41 Luật Đấu thầu	
V	Lĩnh vực Nội vụ			
44	Quyết định phê duyệt Đề án vị trí việc làm.	Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang bộ	Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01/6/2020 của Chính phủ quy định về vị trí việc làm và biên chế công chức; Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020 của chính phủ quy định về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập.	Vụ Tổ chức cán bộ
45	Quyết định phê duyệt điều chỉnh Đề án vị trí việc làm.	Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang bộ	Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01/6/2020 của Chính phủ quy định về vị trí việc làm và biên chế công chức; Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020 của chính phủ quy định về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập.	
46	Quyết định thành lập tổ chức hành chính thuộc thẩm quyền Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang bộ.	Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang bộ	Nghị định số 158/2018/NĐ-CP của Chính phủ về thẩm định thành lập, tổ chức lại, giải thể tổ chức hành chính thuộc chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nội vụ.	
47	Quyết định tổ chức lại tổ chức hành chính thuộc thẩm quyền Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang bộ.	Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang bộ	Nghị định số 158/2018/NĐ-CP của Chính phủ về thẩm định thành lập, tổ chức lại, giải thể tổ chức hành chính thuộc chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nội vụ.	
48	Quyết định giải thể tổ chức hành chính thuộc thẩm quyền Bộ trưởng,	Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang bộ	Nghị định số 158/2018/NĐ-CP của Chính phủ về thẩm định thành lập, tổ chức lại, giải thể tổ chức hành chính thuộc chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nội vụ.	

	thủ trưởng cơ quan ngang bộ.			
49	Quyết định thành lập đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang bộ.	Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang bộ	Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ về thẩm định thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập thuộc chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nội vụ.	
50	Quyết định tổ chức lại đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang bộ.	Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang bộ	Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ về thẩm định thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập thuộc chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nội vụ.	
51	Quyết định giải thể đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang bộ.	Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang bộ	Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ về thẩm định thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập thuộc chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nội vụ.	
52	Xét nâng bậc lương trước thời hạn do lập thành tích xuất sắc của cán bộ, công chức, viên chức của các đơn vị, tổ chức thuộc Bộ, cơ quan ngang bộ.	Theo phân cấp, ủy quyền của Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang bộ	Thông tư số 08/2013/TT-BNV ngày 31/7/2013 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện chế độ nâng bậc lương thường xuyên và nâng bậc lương trước thời hạn đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động; Thông tư số 03/2021/TT-BNV ngày 29/6/2021 của Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung chế độ nâng bậc lương thường xuyên, nâng bậc lương trước thời hạn và chế độ phụ cấp thâm niên vượt khung đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động.	
53	Nâng bậc lương thường xuyên/ nâng phụ cấp thâm niên vượt khung.	Theo phân cấp, ủy quyền của Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang bộ	Thông tư số 08/2013/TT-BNV ngày 31/7/2013 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện chế độ nâng bậc lương thường xuyên và nâng bậc lương trước thời hạn đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động; Thông tư số 03/2021/TT-BNV ngày 29/6/2021 của Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung chế độ nâng bậc lương thường xuyên, nâng bậc lương trước thời hạn và chế độ phụ cấp thâm niên vượt khung đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động; Thông tư số 04/2005/TT-BNV ngày 05/01/2005 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện chế độ phụ cấp thâm niên vượt khung đối với cán bộ, công chức, viên chức.	

54	Thẩm định cho ý kiến đối với công chức các cơ quan, đơn vị thuộc bộ, cơ quan ngang bộ chuyển công tác đến các cơ quan, đơn vị khác.	Theo phân cấp, ủy quyền của Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang bộ	Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức.	
55	Nghỉ phép năm của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động.	Theo phân cấp, ủy quyền của Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang bộ	Khoản 4 Điều 113 Bộ luật Lao động; Điều 13 Luật Cán bộ, công chức 2008.	
56	Cử cán bộ, công chức, viên chức đi đào tạo, bồi dưỡng trong nước.	Theo phân cấp, ủy quyền của Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang bộ	Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017 của Chính phủ quy định về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức; Nghị định số 89/2021/NĐ-CP ngày 18/10/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 101/2017/NĐ-CP 01/9/2017 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức.	
57	Cử cán bộ, công chức, viên chức đi đào tạo, bồi dưỡng ngoài nước.	Theo phân cấp, ủy quyền của Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang bộ	Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017 của Chính phủ quy định về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức; Nghị định số 89/2021/NĐ-CP ngày 18/10/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 101/2017/NĐ-CP 01/9/2017 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức.	
58	Đền bù chi phí đào tạo của cán bộ, công chức, viên chức.	Theo phân cấp, ủy quyền của Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang bộ	Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức.	
59	Phê duyệt Kế hoạch biên chế hàng năm của bộ, cơ quan ngang bộ.	Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang bộ	Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01/6/2020 của Chính phủ quy định về vị trí việc làm và biên chế công chức; Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020 của chính phủ quy định về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập.	
60	Đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức.	Theo phân cấp, ủy quyền của Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang bộ	Luật Cán bộ, công chức; Luật Viên chức; Nghị định số 90/2020/NĐ-CP ngày 13/8/2020 của Chính phủ về đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức; Nghị định 48/2023/NĐ-CP ngày 17/7/2023 của Chính phủ sửa đổi Nghị định 90/2020/NĐ-CP về đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức.	

61	Từ chức, xin thôi giữ chức vụ quản lý, xin thôi việc đối với cán bộ, công chức, viên chức.	Theo phân cấp, ủy quyền của Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang bộ	Luật Cán bộ, công chức ngày 13/11/2008; Luật Viên chức ngày 15/11/2010; Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức; Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Nghị định số 46/2010/NĐ-CP ngày 27/4/2010 của Chính phủ quy định về thôi việc và nghỉ hưu đối với công chức.	
62	Quyết định nghỉ hưu đối với công chức, viên chức.	Theo phân cấp, ủy quyền của Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang bộ	Luật Cán bộ, công chức ngày 13/11/2008; Luật Viên chức ngày 15/11/2010; Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Nghị định số 46/2010/NĐ-CP ngày 27/4/2010 của Chính phủ quy định về thôi việc và nghỉ hưu đối với công chức.	
63	Tinh giản biên chế đối với cán bộ, công chức, viên chức.	Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang bộ	Nghị định số 29/2023/NĐ-CP ngày 03/6/2023 của Chính phủ quy định về tinh giản biên chế.	
64	Bổ nhiệm vào ngạch công chức, xếp lương đối với người hoàn thành chế độ tập sự.	Theo phân cấp, ủy quyền của Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang bộ	Luật Cán bộ, công chức; Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức.	
65	Bổ nhiệm vào ngạch viên chức, xếp lương đối với người hoàn thành chế độ tập sự.	Cơ quan có thẩm quyền quản lý đơn vị sự nghiệp công lập/ Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập	Luật Viên chức; Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.	
66	Bổ nhiệm lãnh đạo cấp vụ và tương đương.	Theo phân cấp, ủy quyền của Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang bộ	Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức; Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức. Nghị định số 29/2024/NĐ-CP ngày 06/3/2024 của Chính phủ quy định chuẩn chức danh công chức lãnh đạo, quản lý trong cơ quan hành chính nhà nước.	
67	Bổ nhiệm lãnh đạo cấp vụ và tương đương thuộc	Theo phân cấp, ủy quyền của Bộ	Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 của Chính phủ quy định về	

	Tổng cục thuộc bộ, cơ quan ngang bộ.	trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang bộ	tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức; Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức. Nghị định số 29/2024/NĐ-CP ngày 06/3/2024 của Chính phủ quy định chuẩn chức danh công chức lãnh đạo, quản lý trong cơ quan hành chính nhà nước.	
68	Bổ nhiệm lãnh đạo cấp phòng thuộc vụ, cục, đơn vị và tương đương thuộc bộ, cơ quan, ngang bộ.	Theo phân cấp, ủy quyền của Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang bộ	Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức; Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức. Nghị định số 29/2024/NĐ-CP ngày 06/3/2024 của Chính phủ quy định chuẩn chức danh công chức lãnh đạo, quản lý trong cơ quan hành chính nhà nước.	
69	Bổ nhiệm lại lãnh đạo cấp vụ và tương đương.	Theo phân cấp, ủy quyền của Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang bộ	Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức; Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức. Nghị định số 29/2024/NĐ-CP ngày 06/3/2024 của Chính phủ quy định chuẩn chức danh công chức lãnh đạo, quản lý trong cơ quan hành chính nhà nước.	
70	Bổ nhiệm lại lãnh đạo cấp vụ và tương đương thuộc Tổng cục thuộc bộ, cơ quan ngang bộ.	Theo phân cấp, ủy quyền của Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang bộ	Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức; Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức. Nghị định số 29/2024/NĐ-CP ngày 06/3/2024 của Chính phủ quy định chuẩn chức danh công chức lãnh đạo, quản lý trong cơ quan hành chính nhà nước.	
71	Bổ nhiệm lại lãnh đạo cấp phòng thuộc vụ, cục, đơn vị và tương đương thuộc bộ, cơ quan, ngang bộ.	Theo phân cấp, ủy quyền của Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang bộ	Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức; Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức. Nghị định số 29/2024/NĐ-CP ngày 06/3/2024 của Chính phủ quy định chuẩn chức danh công chức lãnh đạo, quản lý trong cơ quan hành chính nhà nước.	

72	Điều động, biệt phái công chức trong bộ, cơ quan ngang bộ.	Theo phân cấp, ủy quyền của Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang bộ	Luật Cán bộ, công chức; Luật Viên chức; Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức; Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.	
73	Quy hoạch cán bộ.	Theo phân cấp, ủy quyền của Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang bộ	Quy định số 50-QĐ/TW ngày 27 tháng 12 năm 2021 của Bộ Chính trị về công tác quy hoạch cán bộ; Hướng dẫn số 16-HD/BTCTW ngày 15 tháng 02 năm 2022 của Ban Tổ chức Trung ương về một số nội dung cụ thể về công tác quy hoạch cán bộ.	
74	Tặng thưởng Bằng khen của Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang bộ cho tập thể, cá nhân.	Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang bộ	Luật Thi đua, Khen thưởng năm 2023; Nghị định số 98/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng.	
75	Tặng Cờ thi đua của bộ, cơ quan ngang bộ cho tập thể.	Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang bộ	Luật Thi đua, Khen thưởng năm 2023; Nghị định số 98/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng.	
76	Tặng danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp bộ cho cá nhân.	Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang bộ	Luật Thi đua, Khen thưởng năm 2023; Nghị định số 98/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng.	
77	Tặng danh hiệu Tập thể Lao động xuất sắc.	Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang bộ	Luật Thi đua, Khen thưởng năm 2023; Nghị định số 98/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng.	
78	Tặng thưởng Bằng khen của Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang bộ thi đua theo đợt hoặc thi đua theo chuyên đề.	Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang bộ	Luật Thi đua, Khen thưởng năm 2023; Nghị định số 98/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng.	
79	Tặng Cờ thi đua của bộ theo đợt hoặc chuyên đề.	Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang bộ	Luật Thi đua, Khen thưởng năm 2023; Nghị định số 98/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng.	
80	Tặng thưởng Bằng khen của Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang bộ về thành tích đợt xuất.	Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang bộ	Luật Thi đua, Khen thưởng năm 2023; Nghị định số 98/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng.	

81	Xét tặng kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp phát triển ngành Công Thương”	Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang bộ hoặc người có thẩm quyền theo phân cấp của Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang bộ	Nghị định số 98/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng; Nghị định số 85/2014/NĐ-CP ngày 10/9/2014 của Chính phủ quy định mẫu huân chương, huy chương, huy hiệu, kỷ niệm chương; mẫu bằng, khung, hộp, cờ của các hình thức khen thưởng và danh hiệu thi đua; quản lý, cấp phát, cấp đổi, cấp lại, thu hồi hiện vật khen thưởng; Nghị định số 101/2018/NĐ-CP ngày 20/7/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 85/2014/NĐ-CP ngày 10/9/2014 của Chính phủ quy định mẫu huân chương, huy chương, huy hiệu, kỷ niệm chương; mẫu bằng, khung, hộp, cờ của các hình thức khen thưởng và danh hiệu thi đua; quản lý, cấp phát, cấp đổi, cấp lại, thu hồi hiện vật khen thưởng.	
82	Xét tặng Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Công Thương nhân dịp kỷ niệm (năm tròn và năm lẻ 5) ngày thành lập ngành Công Thương		+) Luật Thi đua khen thưởng; +) Nghị định 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua khen thưởng; +) Thông tư số 40/2019/TT-BCT ngày 10/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định Hướng dẫn thi hành công tác thi đua, khen thưởng trong ngành Công Thương. +) Thông tư 18/2021/TT-BCT ngày 19/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 40/2019/TT-BCT ngày 10 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương hướng dẫn thi hành công tác thi đua, khen thưởng trong ngành Công Thương. +) Thông tư số 22/2023/TT-BCT ngày 14 tháng 11 năm 2023 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng trong ngành Công Thương.	
83	Công nhận sáng kiến cấp bộ.	Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang bộ	Luật Thi đua, Khen thưởng năm 2023; Nghị định số 98/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng.	
84	Công nhận sáng kiến cấp cơ sở (Vụ, cục, đơn vị thuộc bộ, cơ quan ngang bộ).	Theo phân cấp của Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang bộ (nếu có)	Luật Thi đua, Khen thưởng năm 2023; Nghị định số 98/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng.	

85	Điều động công chức.	Theo phân cấp của Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang bộ	Luật Cán bộ, công chức; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức; Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức;	
86	Biệt phái công chức.	Theo phân cấp của Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang bộ	Luật Cán bộ, công chức; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức; Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức;	
87	Chuyển ngạch công chức.	Theo phân cấp của Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang bộ	Luật Cán bộ, công chức; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức; Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức;	
88	Luân chuyển công chức lãnh đạo, quản lý.	Theo quy định về phân cấp quản lý và quy định của Đảng	Luật Cán bộ, công chức; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức; Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức.	
89	Thi nâng ngạch công chức từ ngạch nhân viên hoặc tương đương lên ngạch cán sự hoặc tương đương; từ ngạch cán sự hoặc tương đương lên ngạch chuyên viên hoặc tương đương.	Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang bộ	Luật Cán bộ, công chức; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức; Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức; Thông tư số 02/2021/TT-BNV ngày 11/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ và xếp lương đối với các ngạch công chức chuyên ngành hành chính và công chức chuyên ngành văn thư.	
90	Thi nâng ngạch công chức từ chuyên viên và tương đương lên chuyên viên chính và tương đương.	Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang bộ	Luật Cán bộ, công chức; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức; Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức.	
91	Xét nâng ngạch công chức từ ngạch nhân viên hoặc tương đương lên ngạch cán sự hoặc tương đương; từ ngạch cán sự hoặc tương đương lên	Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang bộ	Điều 31 Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức.	

	ngạch chuyên viên hoặc tương đương.			
92	Xét nâng ngạch công chức từ ngạch chuyên viên hoặc tương đương lên ngạch chuyên viên chính hoặc tương đương.	Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang bộ	Điều 31 Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức.	
93	Tiếp nhận viên chức công tác tại đơn vị sự nghiệp công lập vào làm công chức.	Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang bộ	Luật Cán bộ, công chức; Luật Viên chức; Điều 18 Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức.	
94	Xét chuyển chức danh nghề nghiệp.	Cơ quan có thẩm quyền quản lý đơn vị sự nghiệp công lập/ Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập theo phân cấp	Luật Viên chức; Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.	
95	Bổ nhiệm viên chức quản lý.	Cơ quan có thẩm quyền/ Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập theo phân cấp	Luật Viên chức; Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.	
96	Bổ nhiệm lại viên chức quản lý.	Cơ quan có thẩm quyền/ Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập theo phân cấp	Luật Viên chức; Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.	
97	Kéo dài thời gian giữ chức vụ đến tuổi nghỉ hưu.	Cơ quan có thẩm quyền/ Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập theo phân cấp	Luật Viên chức; Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.	

98	Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.	Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ/Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập	Luật Viên chức; Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.	
VI Lĩnh vực Tài chính				
99	Quyết định chuyển đổi công năng sử dụng tài sản công trong trường hợp không thay đổi đối tượng quản lý, sử dụng tài sản công.	Theo phân cấp của Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang bộ	Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.	
100	Quyết định thanh lý tài sản công.	Theo phân cấp của Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang bộ	Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.	
101	Thẩm tra quyết toán dự án hoàn thành sử dụng vốn đầu tư công.	Theo phân cấp của Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang bộ	Luật Ngân sách nhà nước; Luật Đầu tư công; Luật Xây dựng; Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ Quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công; Thông tư số 96/2021/TT-BTC ngày 11/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định về hệ thống mẫu biểu sử dụng trong công tác quyết toán.	
VII Lĩnh vực Thông tin và Truyền thông				
102	Xác định lần đầu cấp độ đối với hệ thống thông tin cấp độ 1, 2; xác định lại cấp độ đối với hệ thống thông tin đã được phê duyệt cấp độ 1, 2.	Theo phân cấp của Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang bộ	Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ; Thông tư số 12/2022/TT-BTTTT ngày 12/8/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ; Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 11930:2017 về công nghệ thông tin - các kỹ thuật an toàn - yêu cầu cơ bản về an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ.	Cục Thương mại điện tử & Kinh tế số
103	Xác định lần đầu cấp độ đối với hệ thống thông tin cấp độ 3; xác định lại cấp độ đối với hệ thống	Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang bộ	Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ; Thông tư số 12/2022/TT-BTTTT ngày 12/8/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị	

	thông tin đã được phê duyệt cấp độ 3.		định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ; Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 11930:2017 về công nghệ thông tin - các kỹ thuật an toàn - yêu cầu cơ bản về an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ.	
104	Giải quyết vướng mắc về kết nối, chia sẻ dữ liệu (Trường hợp Cơ quan khai thác dữ liệu có vướng mắc trong kết nối, chia sẻ dữ liệu đã gửi yêu cầu cho cơ quan cung cấp dữ liệu nhưng vướng mắc chưa được giải quyết).	Đơn vị chuyên trách công nghệ thông tin của bộ, cơ quan ngang bộ	Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 04 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước.	
105	Thẩm định thiết kế cơ sở (trường hợp thiết kế 2 bước), thiết kế chi tiết (trường hợp thiết kế 1 bước) dự án đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin nhóm B.	Đơn vị chuyên trách công nghệ thông tin của bộ, cơ quan ngang bộ	Khoản 3 Điều 20, Điều 21 Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 9 năm 2019 của Chính phủ quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước.	
106	Thẩm định thiết kế cơ sở (trường hợp thiết kế 2 bước), thiết kế chi tiết (trường hợp thiết kế 1 bước) dự án đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin nhóm C.	Đơn vị chuyên trách công nghệ thông tin của bộ, cơ quan ngang bộ	Khoản 3 Điều 20, Điều 21 Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 9 năm 2019 của Chính phủ quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước.	
107	Ứng cứu xử lý sự cố an toàn thông tin của các hệ thống thông tin/cơ sở dữ liệu (HTTT/CSDL) do tình quản lý.	Đơn vị chuyên trách công nghệ thông tin của bộ, cơ quan ngang bộ	Quyết định số 05/2017/QĐ-TTg ngày 16/3/2017 của Thủ tướng Chính phủ ban hành quy định về hệ thống phương án ứng cứu khẩn cấp bảo đảm an toàn thông tin mạng quốc gia; Thông tư số 20/2017/TT-BTTTT ngày 12/9/2017 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về điều phối, ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng trên toàn quốc.	
108	Xét thăng hạng viên chức chuyên ngành công nghệ thông tin lên chức danh nghề nghiệp công nghệ thông tin hạng II.	Theo phân cấp của Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang bộ	Luật Viên chức; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức; Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Thông tư số 08/2022/TT-BTTTT	Vụ Tổ chức cán bộ

			ngày 30/6/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương đối với viên chức chuyên ngành công nghệ thông tin, an toàn thông tin.
109	Xét thăng hạng viên chức chuyên ngành an toàn thông tin lên chức danh nghề nghiệp an toàn thông tin hạng II.	Theo phân cấp của Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang bộ	Luật Viên chức; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức; Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Thông tư số 08/2022/TT-BTTTT ngày 30/6/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương đối với viên chức chuyên ngành công nghệ thông tin, an toàn thông tin.
110	Xét thăng hạng viên chức chuyên ngành biên tập viên lên chức danh nghề nghiệp biên tập viên hạng II.	Theo phân cấp của Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang bộ	Luật Viên chức; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức; Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Thông tư số 13/2022/TT-BTTTT ngày 26/8/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương đối với viên chức biên tập viên, phóng viên, biên dịch viên, đạo diễn truyền hình thuộc chuyên ngành thông tin và truyền thông.
111	Xét thăng hạng viên chức chuyên ngành phóng viên lên chức danh nghề nghiệp phóng viên hạng II.	Theo phân cấp của Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang bộ	Luật Viên chức; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức; Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Thông tư số 13/2022/TT-BTTTT ngày 26/8/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương đối với viên chức

			biên tập viên, phóng viên, biên dịch viên, đạo diễn truyền hình thuộc chuyên ngành thông tin và truyền thông.	
112	Xét thăng hạng viên chức chuyên ngành biên dịch viên lên chức danh nghề nghiệp biên dịch viên hạng II.	Theo phân cấp của Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang bộ	Luật Viên chức; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức; Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Thông tư số 13/2022/TT-BTTTT ngày 26/8/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương đối với viên chức biên tập viên, phóng viên, biên dịch viên, đạo diễn truyền hình thuộc chuyên ngành thông tin và truyền thông.	
VIII				
Lĩnh vực Chính phủ số				
113	Xây dựng cung cấp dịch vụ công trực tuyến của Bộ Công Thương	Đơn vị chuyên trách công nghệ thông tin của bộ, cơ quan ngang bộ	Thông tư số 05/2016/TT-BCT ngày 06 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương	Cục TMĐT&KTS
IX				
Lĩnh vực Tư pháp				
114	Xây dựng, văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ (do bộ tham mưu ban hành).	Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang bộ	Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2020); Nghị định số 34/2016/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (được sửa đổi bởi Nghị định số 154/2020/NĐ-CP); Thông tư 47/2023/TT-BCT ngày 29/12/2023 quy định về việc xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Bộ Công Thương.	Vụ Pháp chế
115	Xây dựng, văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền của Chính phủ (do bộ tham mưu ban hành).	Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang bộ	Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2020); Nghị định số 34/2016/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (được sửa đổi bởi Nghị định số 154/2020/NĐ-CP); Thông tư 47/2023/TT-BCT ngày 29/12/2023 quy định về việc xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Bộ Công Thương.	

116	Xây dựng, văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội (do bộ tham mưu ban hành).	Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang bộ	Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2020); Nghị định số 34/2016/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (được sửa đổi bởi Nghị định số 154/2020/NĐ-CP); Thông tư 47/2023/TT-BCT ngày 29/12/2023 quy định về việc xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Bộ Công Thương.	
117	Xây dựng, văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền của bộ, cơ quan ngang bộ.	Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang bộ	Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2020); Nghị định số 34/2016/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (được sửa đổi bởi Nghị định số 154/2020/NĐ-CP); Thông tư 47/2023/TT-BCT ngày 29/12/2023 quy định về việc xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Bộ Công Thương.	
118	Kiểm tra văn bản (gồm văn bản quy phạm pháp luật, văn bản có chứa quy phạm pháp luật nhưng không được ban hành bằng hình thức văn bản quy phạm pháp luật; văn bản có chứa quy phạm pháp luật hoặc có thể thức như văn bản quy phạm pháp luật) do Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ khác, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, chính quyền địa phương ở đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt ban hành về những nội dung có liên quan đến ngành, lĩnh vực do mình phụ trách.	Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang bộ	Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2020); Nghị định số 34/2016/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (được sửa đổi bởi Nghị định số 154/2020/NĐ-CP); Thông tư 47/2023/TT-BCT ngày 29/12/2023 quy định về việc xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Bộ Công Thương.	
119	Rà soát văn bản quy phạm pháp luật theo thẩm quyền, xử lý kết quả rà soát văn bản quy phạm pháp luật.	Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang bộ	Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2020); Nghị định số 34/2016/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (được sửa đổi bởi Nghị định số 154/2020/NĐ-CP).	

120	Hệ thống hóa, công bố kết quả hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật theo thẩm quyền.	Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang bộ	Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2020); Nghị định số 34/2016/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (được sửa đổi bởi Nghị định số 154/2020/NĐ-CP).	
121	Hợp nhất, ký xác thực văn bản hợp nhất, đăng văn bản hợp nhất trên Công báo và trang thông tin điện tử của Bộ, ngành.	Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang bộ	Pháp lệnh hợp nhất văn bản quy phạm pháp luật số: 01/2012/UBTVQH13 ngày 22/3/2012; Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/05/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Thông tư 47/2023/TT-BCT ngày 29/12/2023 quy định về việc xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Bộ Công Thương.	
122	Cập nhật thông tin vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật.	Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang bộ	Nghị định số 52/2015/NĐ-CP ngày 28 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ về cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật.	
123	Đăng tải công báo, đăng tải trên Công thông tin điện tử của Chính phủ, của Bộ Công Thương; đăng tải văn bản trên Cơ sở dữ liệu quốc gia; đối với văn bản quy phạm pháp luật	Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang bộ	Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Pháp lệnh Hợp nhất văn bản quy phạm pháp luật năm 2012. + Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/05/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật. + Thông tư 47/2023/TT-BCT ngày 29/12/2023 quy định về việc xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Bộ Công Thương.	
124	Thẩm tra đề nghị xây dựng Luật, Pháp lệnh, Nghị quyết	Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang bộ	Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2020); Nghị định số 34/2016/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (được sửa đổi bởi Nghị định số 154/2020/NĐ-CP); Thông tư 47/2023/TT-BCT ngày 29/12/2023 quy định về việc xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Bộ Công Thương.	
125	Thẩm tra đề nghị xây dựng Nghị định	Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang bộ	Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2020); Nghị định số 34/2016/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (được sửa đổi bởi Nghị định số 154/2020/NĐ-CP); Thông tư 47/2023/TT-	

			BCT ngày 29/12/2023 quy định về việc xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Bộ Công Thương.	
126	Thẩm định dự thảo Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công Thương theo trình tự rút gọn	Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang bộ	Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2020); Nghị định số 34/2016/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (được sửa đổi bởi Nghị định số 154/2020/NĐ-CP); Thông tư 47/2023/TT-BCT ngày 29/12/2023 quy định về việc xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Bộ Công Thương.	
127	Thẩm định dự thảo Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Quy chuẩn kỹ thuật trong lĩnh vực Công Thương	Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang bộ	Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2020); Nghị định số 34/2016/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (được sửa đổi bởi Nghị định số 154/2020/NĐ-CP); Thông tư 47/2023/TT-BCT ngày 29/12/2023 quy định về việc xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Bộ Công Thương.	
128	Phát hành Thông tư, thông tư liên tịch do Bộ Công Thương chủ trì soạn thảo	Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang bộ	Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2020); Nghị định số 34/2016/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (được sửa đổi bởi Nghị định số 154/2020/NĐ-CP); Thông tư 47/2023/TT-BCT ngày 29/12/2023 quy định về việc xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Bộ Công Thương.	
129	Bổ nhiệm giám định viên tư pháp trong lĩnh vực công thương	Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang bộ	Luật Giám định tư pháp 2012; Thông tư số 30/2016/TT-BCT ngày 13/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về giám định tư pháp trong lĩnh vực công thương; Thông tư số 01/2021/TT-BCT ngày 31/03/2021 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 30/2016/TT-BCT ngày 13 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về giám định tư pháp trong lĩnh vực công thương.	
130	Miễn nhiệm giám định viên tư pháp trong lĩnh vực công thương	Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang bộ	Luật Giám định tư pháp 2012; Thông tư số 30/2016/TT-BCT ngày 13/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về giám định tư pháp trong lĩnh vực công thương; Thông tư số 01/2021/TT-BCT ngày 31/03/2021 của Bộ trưởng Bộ Công Thương	

			sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 30/2016/TT-BCT ngày 13 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về giám định tư pháp trong lĩnh vực công thương.	
131	Lập, công bố danh sách giám định viên tư pháp, người giám định tư pháp theo vụ việc, tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc trong lĩnh vực công thương	Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang bộ	Luật Giám định tư pháp 2012; Thông tư số 30/2016/TT-BCT ngày 13/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về giám định tư pháp trong lĩnh vực công thương; Thông tư số 01/2021/TT-BCT ngày 31/03/2021 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 30/2016/TT-BCT ngày 13 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về giám định tư pháp trong lĩnh vực công thương.	
132	Cử người tham gia giám định tư pháp theo vụ việc	Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang bộ	Luật Giám định tư pháp 2012; Thông tư số 30/2016/TT-BCT ngày 13/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về giám định tư pháp trong lĩnh vực công thương; Thông tư số 01/2021/TT-BCT ngày 31/03/2021 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 30/2016/TT-BCT ngày 13 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về giám định tư pháp trong lĩnh vực công thương.	
X	Lĩnh vực Thanh tra			
133	Ban hành Kế hoạch đánh giá công tác phòng, chống tham nhũng.	Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang bộ	Luật Phòng, chống tham nhũng; Điều 21 Nghị định số 59/2019/NĐ-CP ngày 01/7/2019 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tham nhũng.	Văn Phòng Bộ
134	Báo cáo, nộp lại quà tặng.	Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang bộ	Điều 26 Nghị định số 59/2019/NĐ-CP ngày 01/7/2019 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tham nhũng.	
135	Xử lý quà tặng đối với quà tặng bằng hiện vật.	Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang bộ	Khoản 2, 5 Điều 27 Nghị định số 59/2019/NĐ-CP ngày 01/7/2019 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tham nhũng.	
136	Phê duyệt kế hoạch xác minh tài sản, thu nhập hằng năm.	Theo phân cấp của Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang bộ	Nghị định số 130/2020/NĐ-CP về kiểm soát tài sản, thu nhập.	

137	Cung cấp thông tin về tài sản, thu nhập.	Cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc bộ, cơ quan ngang bộ; cán bộ, công chức được yêu cầu cung cấp thông tin.	Điều 5, 6, 7 Nghị định số 130/2020/NĐ-CP về kiểm soát tài sản, thu nhập.	
138	Ban hành Kết luận xác minh tài sản, thu nhập theo Quyết định xác minh tài sản, thu nhập của Cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập; công khai Kết luận xác minh.	Theo phân cấp của Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang bộ	Điều 41, 42, 43, 44, 45, 46, 47, 48, 49, 50 Nghị định số 130/2020/NĐ-CP về kiểm soát tài sản, thu nhập.	
139	Cung cấp thông tin cơ sở dữ liệu về kiểm soát tài sản, thu nhập (theo yêu cầu của cơ quan, tổ chức, đơn vị phụ trách công tác tổ chức cán bộ, kiểm tra có thẩm quyền của Đảng, Quốc hội, cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội; Cơ quan thanh tra, Kiểm toán Nhà nước, Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân.)	Theo phân cấp của Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang bộ	Điều 19 Nghị định số 130/2020/NĐ-CP về kiểm soát tài sản, thu nhập.	
140	Quyết định áp dụng biện pháp giám sát việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ được giao của người có xung đột lợi ích.	Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang bộ	Điều 31, 32 Nghị định số 59/2019/NĐ-CP ngày 01/7/2019 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tham nhũng.	Vụ TCCB
141	Quyết định áp dụng biện pháp tạm đình chỉ việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ được giao của người có xung đột lợi ích; tạm thời chuyển người có xung đột lợi ích sang vị trí công tác khác.	Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang bộ	Điều 31, 33 Nghị định số 59/2019/NĐ-CP ngày 01/7/2019 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tham nhũng.	
142	Quyết định áp dụng biện pháp đình chỉ việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ được giao của người có xung đột lợi ích.	Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang bộ	Điều 31, 34 Nghị định số 59/2019/NĐ-CP ngày 01/7/2019 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tham nhũng.	

143	Ra quyết định tạm đình chỉ công tác, tạm thời chuyển vị trí công tác khác đối với người có chức vụ, quyền hạn có hành vi vi phạm liên quan đến tham nhũng.	Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang bộ hoặc theo phân cấp	Điều 46, 47 Nghị định số 59/2019/NĐ-CP ngày 01/7/2019 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tham nhũng.	
144	Quyết định hủy bỏ quyết định tạm đình chỉ công tác, tạm thời chuyển vị trí công tác khác và công khai quyết định hủy bỏ việc tạm đình chỉ công tác, tạm thời chuyển vị trí công tác khác.	Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang bộ hoặc theo phân cấp	Điều 48, 49 Nghị định số 59/2019/NĐ-CP ngày 01/7/2019 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tham nhũng.	
145	Ban hành và công khai kế hoạch chuyển đổi vị trí công tác đối với người có chức vụ, quyền hạn.	Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang bộ hoặc theo phân cấp	Luật Phòng, chống tham nhũng.	
XI	Điện lực			
146	Phê duyệt khung giá phát điện.	Theo phân cấp của Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang bộ	Thông tư số 57/2014/TT-BCT, Thông tư 31/2022/TT-BCT.	Cục Điện lực
147	Phê duyệt giá dịch vụ phụ trợ hệ thống điện	Theo phân cấp của Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang bộ	Thông tư số 21/2015/TT-BCT ngày 23 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định phương pháp xác định giá dịch vụ phụ trợ hệ thống điện, trình tự kiểm tra hợp đồng cung cấp dịch vụ phụ trợ hệ thống điện; Thông tư số 46/2018/TT-BCT ngày 15 tháng 11 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 21/2015/TT-BCT ngày 23 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định phương pháp xác định giá dịch vụ phụ trợ hệ thống điện, trình tự kiểm tra hợp đồng cung cấp dịch vụ phụ trợ hệ thống điện.	
148	Phê duyệt giá truyền tải điện	Theo phân cấp của Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang bộ	Thông tư số 02/2017/TT-BCT ngày 10/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định phương pháp, trình tự lập, thẩm định và phê duyệt giá truyền tải điện; Thông tư số 14/2022/TT-BCT ngày 30/9/2012 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2017/TT-BCT ngày 10 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định phương pháp, trình tự lập, thẩm định và phê duyệt giá truyền tải điện.	

149	Phê duyệt khung giá bán buôn điện	Theo phân cấp của Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang bộ	Công văn số 2806/BCT-ĐTĐL ngày 23 tháng 4 năm 2019 của Bộ Công Thương gửi Tập đoàn Điện lực Việt Nam về nguyên tắc xác định khung giá bán buôn điện của Tập đoàn Điện lực Việt Nam bán cho các Tổng công ty Điện lực	
	Phê duyệt giá điều độ vận hành hệ thống điện và điều hành giao dịch thị trường điện		Thông tư số 10/2024/TT-BCT ngày 31/7/2024 của Bộ Công Thương quy định phương pháp lập giá điều độ vận hành hệ thống điện và điều hành giao dịch thị trường điện lực	
150	Thủ tục tổ chức lấy ý kiến đối với khung giá phát điện (áp dụng cho nhà máy điện mặt trời, điện gió) thông qua Hội đồng tư vấn do Bộ Công Thương quyết định thành lập	Theo phân cấp của Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang bộ	Thông tư số 19/2023/TT-BCT Quy định phương pháp xây dựng khung giá phát điện áp dụng cho nhà máy điện mặt trời, điện gió	
XII	An toàn đập, hồ chứa thủy điện và Môi trường			
151	Đăng ký và tổng hợp kế hoạch bảo vệ môi trường, kế hoạch ứng phó biến đổi khí hậu	Theo phân cấp của Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang bộ	Thông tư số 24/2023/TT-BCT ngày 16/11/2023 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quản lý, thực hiện các nhiệm vụ sử dụng nguồn kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường của Bộ Công Thương.	Cục ATMT
152	Nghiệm thu nhiệm vụ cấp Bộ đối với các nhiệm vụ bảo vệ môi trường, nhiệm vụ ứng phó với biến đổi khí hậu sử dụng nguồn kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường do Bộ Công Thương quản lý	Theo phân cấp của Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang bộ	Thông tư số 24/2023/TT-BCT ngày 16/11/2023 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quản lý, thực hiện các nhiệm vụ sử dụng nguồn kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường của Bộ Công Thương.	
153	Giao nộp sản phẩm, ứng dụng kết quả thực hiện đối với các nhiệm vụ bảo vệ môi trường, nhiệm vụ ứng phó với biến đổi khí hậu sử dụng nguồn kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường do Bộ Công Thương quản lý	Theo phân cấp của Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang bộ	Thông tư số 24/2023/TT-BCT ngày 16/11/2023 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quản lý, thực hiện các nhiệm vụ sử dụng nguồn kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường của Bộ Công Thương.	
XIII	Khoa học công nghệ			
154	Xét đặc cách bổ nhiệm vào chức danh khoa học, chức danh công nghệ cao hơn không qua		Nghị định số 27/2020/NĐ-CP ngày 01/3/2020 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 40/2014/NĐ-CP ngày 12/5/2014 của	Vụ TCCB

	thi thăng hạng, không phụ thuộc năm công tác.	Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang bộ	Chính phủ quy định việc sử dụng, trọng dụng cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ và Nghị định số 87/2014/NĐ-CP ngày 22/9/2014 của Chính phủ quy định về thu hút cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ là người Việt Nam ở nước ngoài và chuyên gia nước ngoài tham gia hoạt động khoa học và công nghệ tại Việt Nam.	
155	Xét thăng hạng viên chức từ trợ lý nghiên cứu lên nghiên cứu viên.	Theo phân cấp của Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang bộ	<u>Luật Viên chức; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức; Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Thông tư liên tịch số 24/2014/TTLT-BKHCN-BNV ngày 01/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành khoa học và công nghệ; Thông tư số 14/2022/TT-BKHCN ngày 11/10/2022 của Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư liên tịch số 24/2014/TTLT-BKHCN-BNV.</u>	
156	Xét thăng hạng viên chức từ nghiên cứu viên lên nghiên cứu viên chính.	Theo phân cấp của Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang bộ	<u>Luật Viên chức; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức; Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Thông tư liên tịch số 24/2014/TTLT-BKHCN-BNV ngày 01/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành khoa học và công nghệ; Thông tư số 14/2022/TT-BKHCN ngày 11/10/2022 của Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư liên tịch số 24/2014/TTLT-BKHCN-BNV.</u>	
157	Xét thăng hạng viên chức từ kỹ thuật viên lên kỹ sư.	Theo phân cấp của Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang bộ	<u>Luật Viên chức; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức; Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-</u>	

			CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; <u>Thông tư liên tịch số 24/2014/TTLT-BKHCN-BNV</u> ngày 01/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành khoa học và công nghệ; Thông tư số 14/2022/TT-BKHCN ngày 11/10/2022 của Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung một số điều của <u>Thông tư liên tịch số 24/2014/TTLT-BKHCN-BNV</u>	
158	Xét thăng hạng viên chức từ kỹ sư lên kỹ sư chính.	Theo phân cấp của Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang bộ	<u>Luật Viên chức; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức; Nghị định số 85/2023/NĐ-CP</u> ngày 07/12/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; <u>Thông tư liên tịch số 24/2014/TTLT-BKHCN-BNV</u> ngày 01/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành khoa học và công nghệ; Thông tư số 14/2022/TT-BKHCN ngày 11/10/2022 của Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung một số điều của <u>Thông tư liên tịch số 24/2014/TTLT-BKHCN-BNV</u> .	
XIV	Lĩnh vực Tiết kiệm năng lượng			
159	Xây dựng danh mục nhiệm vụ thuộc chương trình quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả	Theo phân cấp của Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang bộ	Quyết định số 280/QĐ-TTg ngày 13 tháng 3 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ hoặc các nội dung đối với việc triển khai thực hiện Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả	Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công